



Mức độ đáp ứng khung trình độ quốc gia Việt Nam của các chương trình đào tạo đại học hiện nay: Nghiên cứu trường hợp Đại học Quốc gia Hà Nội

Trần Thị Hoài*, Nghiêm Xuân Huy, Lê Thị Thương

*Viện Đảm bảo Chất lượng Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội,
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 06 tháng 4 năm 2018

Chỉnh sửa ngày 26 tháng 4 năm 2018; Chấp nhận đăng ngày 23 tháng 5 năm 2018

Tóm tắt: Khung trình độ quốc gia Việt Nam đã được ban hành theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, các chương trình đào tạo tại các cơ sở giáo dục đại học cần được rà soát và điều chỉnh đáp ứng với khung trình độ quốc gia Việt Nam. Cụ thể, mối tương quan giữa chuẩn đầu ra, cấu trúc chương trình đào tạo, các bước xây dựng và phát triển chương trình đào tạo với các yêu cầu về năng lực đầu ra được nêu trong Khung trình độ quốc gia cần được nghiên cứu và giải quyết thấu đáo để các cơ sở giáo dục có lộ trình điều chỉnh và cập nhật chương trình đào tạo cho phù hợp với bối cảnh mới. Bài viết này trình bày kết quả nghiên cứu về mức độ đáp ứng khung trình độ quốc gia của các chương trình đào tạo đại học từ góc độ phân tích về chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đại học, các bước phát triển chương trình đào tạo, những điểm tương thích và chưa tương thích về nội dung và cấu trúc của các chương trình đào tạo đại học với các yêu cầu về chuẩn năng lực tương ứng nêu tại Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ việc khảo sát, đánh giá các chương trình đào tạo đại học của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Từ khóa: Khung trình độ quốc gia Việt Nam; chuẩn đầu ra; chương trình đào tạo.

1. Tổng quan về khung trình độ quốc gia

Khung trình độ là một công cụ để xây dựng và phân loại các trình độ đào tạo dựa trên các tiêu chí xác định đối với từng mức độ tích lũy năng lực đạt được. Đồng thời, khung trình độ thể hiện chuẩn đầu ra của một trình độ đào

tao và cho thấy rõ sự liên thông giữa các trình độ đào tạo [1, 2]. Theo cách tiếp cận này, nhiều khung trình độ ở các cấp độ châu lục, vùng, quốc gia đã được xây dựng. *Khung trình độ châu Âu (EQF)* được thiết kế với 8 bậc trình độ với 2 mục tiêu, bao gồm hoàn thành việc đối chiếu các bậc trình độ trên khung trình độ quốc gia và thể hiện bậc trình độ của khung trình độ Châu Âu trên các bằng cấp hay chứng chỉ [3]. *Khung tham chiếu trình độ ASEAN (AQR)* cũng được thiết kế với 8 bậc trình độ, mỗi

* Tác giả liên hệ. ĐT.: 84-985982969.

Email: hoaitt@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4129>

bậc quy định 2 nội dung gồm kiến thức, kỹ năng và khả năng tự chủ và tự chịu trách nhiệm [4, 5]. *Khung trình độ quốc gia* trong khối ASEAN bao quát toàn bộ các bậc và loại hình đào tạo gồm đào tạo hàn lâm và đào tạo nghề phổ biến từ 8 đến 10 bậc trình độ. Để đảm bảo sự thống nhất và minh bạch trong quá trình đối chiếu khung trình độ quốc gia với khung trình độ ASEAN, các nước ASEAN đã thống nhất 11 tiêu chí để đối chiếu [4].

Ngày 18/10/2016, Thủ tướng chính phủ đã ký quyết định số 1982/QĐ-TTg ban hành Khung trình độ quốc gia Việt Nam với mục tiêu làm cho hệ thống bằng cấp quốc gia dễ hiểu hơn, tăng cường sự gắn kết của hệ thống trình độ bằng việc kết nối những phần khác nhau; cải thiện tính liên thông của đào tạo hàn lâm và đào tạo nghề bằng việc làm rõ và tăng cường các liên kết ngang và dọc trong hệ thống hiện có; hỗ trợ phát triển năng lực học tập suốt đời cho người học bằng cách quy định những chuẩn đầu ra cho phép người học lựa chọn; mở rộng sự công nhận kết quả học tập; tăng cường sự liên kết và cải thiện thông tin giữa đào tạo hàn lâm và đào tạo nghề với thị trường lao động; tạo nền tảng cho sự hợp tác đào tạo ở một phạm vi rộng với các đối tác nước ngoài; cung cấp nội dung tham chiếu để đảm bảo chất lượng. Khung trình độ quốc gia Việt Nam có nhiều điểm tương đồng với các Khung trình độ quốc gia một số nước trong khu vực và Khung tham chiếu trình độ ASEAN, bao gồm 8 bậc, mỗi bậc mô tả những yêu cầu người tốt nghiệp phải đạt được chuẩn đầu ra gồm kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm.

Khung trình độ quốc gia Việt Nam bao gồm 8 bậc: Bậc 1 - Sơ cấp I (tối thiểu 5 tín chỉ); Bậc 2 - Sơ cấp II (tối thiểu 15 tín chỉ), Bậc 3 - Sơ cấp III (tối thiểu 25 tín chỉ), Bậc 4 - Trung cấp (tối thiểu 35 tín chỉ đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, 50 tín chỉ đối với người có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở); Bậc 5 - Cao đẳng (tối thiểu 60 tín chỉ); Bậc 6 - Đại học (tối thiểu 120 tín chỉ); Bậc 7 - Thạc sĩ (tối thiểu 60 tín chỉ); Bậc 8 - Tiến sĩ (tối thiểu 90 tín

chỉ đối với người có bằng thạc sĩ, tối thiểu 120 tín chỉ đối với người có bằng tốt nghiệp đại học) [6].

Theo tiếp cận khung trình độ quốc gia, người học được khuyến khích học tập suốt đời, cho phép người học bắt đầu ở mức phù hợp và sau đó xây dựng các nhu cầu và sở thích về trình độ chuyên môn của mình để phát triển và thay đổi theo thời gian, được cấp giấy chứng nhận và được chính phủ công nhận. Nhà tuyển dụng sử dụng khung trình độ quốc gia để đảm bảo rằng tiêu chuẩn và trình độ của người lao động phù hợp với yêu cầu công việc và cung cấp sự hiểu biết chung về tiêu chuẩn, trình độ và cấp độ của công việc. Các cơ sở đào tạo sử dụng khung trình độ quốc gia để đảm bảo tính minh bạch trong công việc, sự phù hợp và tính chính xác của trách nhiệm giải trình cho các kết quả dự kiến và khung trình độ quốc gia cung cấp sự hiểu biết chung về các quy tắc và quy định chuyên đối tín chỉ, khớp nối, tính linh động, các con đường dẫn đến bằng cấp. Các cơ quan Nhà nước sử dụng khung trình độ quốc gia để cung cấp các tiêu chuẩn, phân loại và đánh giá năng lực làm cơ sở phê duyệt cho các nhà cung cấp và các bên liên quan cũng như thống nhất quản lý các bằng cấp. Khung trình độ quốc gia được ban hành cũng tạo ra nhiều điều kiện thuận lợi cho giáo dục đại học như tăng “độ giá trị” và “độ tin cậy” của giáo dục đại học, đặt nền tảng để đổi mới chương trình đào tạo giáo dục đại học theo chuẩn đầu ra; đổi mới việc đánh giá, công nhận, cấp văn bằng, chứng chỉ giáo dục đại học, thúc đẩy khu vực và quốc tế công nhận bằng cấp giáo dục nghề và giáo dục đại học của Việt Nam; và cuối cùng là nhằm mục đích nâng cao chất lượng giáo dục đại học. Bên cạnh đó, khung trình độ quốc gia Việt Nam ra đời cũng sẽ gặp một vài thách thức như triển khai Khung trình độ quốc gia phải mất nhiều thời gian và cần nhiều nguồn lực, cần phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục đại học, cần có sự tham gia chặt chẽ của nhà tuyển dụng và các bên liên quan [7].

2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đại học quy định tại Khung trình độ quốc gia Việt Nam

Chuẩn đầu ra của một chương trình đào tạo đại học là yêu cầu chất lượng tối thiểu của người tốt nghiệp; là những chỉ báo về phẩm chất, kiến thức, kỹ năng của người học sau khi kết thúc chương trình đào tạo đó. Tuyên bố chuẩn đầu ra cho một chương trình đào tạo chính là tuyên bố trách nhiệm về chất lượng đào tạo của nhà trường cũng như của ngành giáo dục, trước hết là đối với chính người học, sau là đối với xã hội và những người thụ hưởng và sử dụng sản phẩm đào tạo của nhà trường. Khung trình độ quốc gia Việt Nam đã quy định rõ về chuẩn đầu ra cho từng bậc học, cụ thể đối với bậc 6 (trình độ đại học) như sau: xác nhận trình độ đào tạo của người học có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về một ngành đào tạo, kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật; có kỹ năng nhận thức liên quan đến phân biệt, phân tích, tổng hợp; kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp; làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức, thuộc ngành đào tạo, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ. Bậc 6 yêu cầu khối lượng học tập tối thiểu 120 tín chỉ. Người học hoàn thành chương trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra Bậc 6 được cấp bằng đại học [6, tr. 2], cụ thể:

2.1. Về kiến thức

- Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.
- Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.
- Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.
- Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.

- Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.

2.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.
- Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.
- Kỹ năng phân biệt, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.
- Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.
- Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.
- Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

2.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

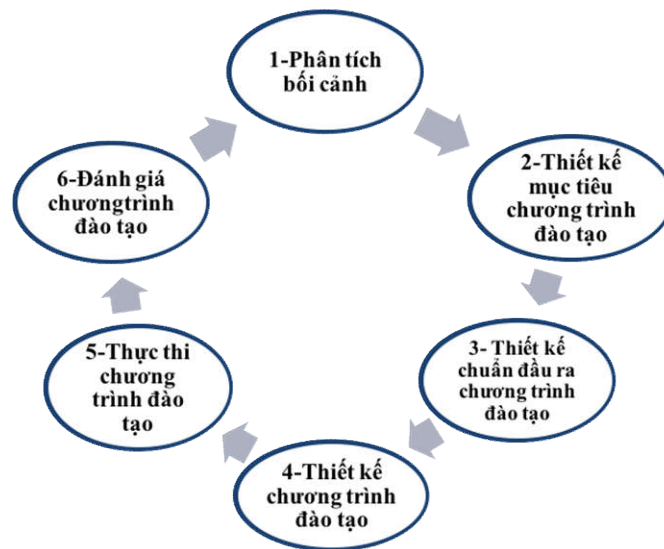
- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.
- Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.
- Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động. [6, tr. 10]

Trước khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung trình độ quốc gia Việt Nam (năm 2016), Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT vào năm 2015, trong đó có yêu cầu về chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đại học [8]. Đối chiếu với Thông tư, yêu cầu về chuẩn đầu ra tại Khung trình độ quốc gia Việt Nam có một số điểm cần nhấn mạnh như sau: *Về kỹ năng*: Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác; Kỹ năng phân biệt, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi; Kỹ năng

đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm; Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp. *Về mức tự chủ và trách nhiệm:* Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; Có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. Với các yêu cầu đặt ra cho người học như trên, các cơ sở giáo dục cần rà soát chương trình đào tạo đại học để cập nhật và điều chỉnh đảm bảo đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

3. Phát triển chương trình đào tạo theo cách tiếp cận chuẩn đầu ra

Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo cần đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam nên các cơ sở giáo dục cần thiết kế chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Chuẩn đầu ra định hướng tất cả các hoạt động đào tạo từ việc triển khai giảng dạy, phương pháp dạy học, hình thức kiểm tra đánh giá, ... Chính vì vậy, để đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam, chương trình đào tạo cần được xây dựng theo tiếp cận chuẩn đầu ra. Quy trình phát triển chương trình đào tạo [9, tr.16] theo tiếp cận chuẩn đầu ra gồm 6 bước theo hình tròn khép kín (hình 1).



Hình 1. Quy trình phát triển chương trình đào tạo theo tiếp cận chuẩn đầu ra.

Bước 1. Phân tích bối cảnh: xem xét và phân tích tất cả các yếu tố bên trong và bên ngoài để điều chỉnh về sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, giá trị cốt lõi của nhà trường cho phù hợp với thời đại.

Bước 2. Thiết kế mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Mục tiêu chung mô tả năng lực của người học sau khi hoàn thành chương trình đào tạo. Mục tiêu cụ

thể mô tả các định hướng về kiến thức, kỹ năng và những phẩm chất mà chương trình đào tạo trang bị cho người học để đạt được mục tiêu chung. Nhờ đó, người học hiểu rõ khả năng đảm nhiệm những công việc, nhiệm vụ và cơ hội phát triển sau khi tốt nghiệp đại học.

Bước 3. Thiết kế chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo được thiết kế trên cơ sở cụ thể hóa mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo theo khung

chuẩn đầu ra bậc học đã khẳng định trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Cấu trúc của chuẩn đầu ra thiết kế theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam sẽ đảm bảo các chương trình đào tạo có thể tạo ra được nguồn nhân lực tiếp cận trình độ quốc tế, bước đầu hội nhập cộng đồng ASEAN, tiến tới hội nhập với các cộng đồng khác trên thế giới. Việc xây dựng chuẩn đầu ra gồm 4 bước cơ bản như sau: 1) Nhóm biên soạn xây dựng dự thảo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, rà soát và đối chiếu các chuẩn đầu ra để đảm bảo đã đáp ứng các yêu cầu tại Khung trình độ quốc gia Việt Nam. 2) Nhóm chuyên gia thực hiện điều tra khảo sát thu thập thông tin về chuẩn đầu ra từ các đối tượng có liên quan. 3) Tổ chức hội thảo lấy ý kiến đóng góp từ các bên liên quan đối với chuẩn đầu ra. 4) Sau khi hoàn thiện, đơn vị đào tạo công bố chuẩn đầu ra. [10, tr. 4] Quy trình xây dựng chuẩn đầu ra chặt chẽ như trên nhằm mục đích thiết kế một chuẩn đầu ra đáp ứng các yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam để từ đó định hướng cho các bước thiết kế tiếp theo.

Bước 4. Thiết kế nội dung chương trình đào tạo: Căn cứ vào mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, xây dựng những học phần chuyên tải được các thành phần của chuẩn đầu ra. Chương trình nên xây dựng theo hướng tích hợp, phù hợp với năng lực tiếp nhận của người học, thông thường mỗi học kỳ giảng dạy từ 5 đến 6 học phần. Phát triển chương trình đào tạo theo tiếp cận chuẩn đầu ra đòi hỏi việc triển khai chương trình phải đảm bảo người học đạt được chuẩn đầu ra. Vì mỗi học phần chỉ tham gia đáp ứng từng phần của chuẩn đầu ra, nên người học cần đạt được chuẩn đầu ra của tất cả các học phần trong chương trình đào tạo mới đạt được chuẩn đầu ra của toàn bộ chương trình đào tạo.

Bước 5. Thực thi chương trình đào tạo: Trong bước thực thi chương trình đào tạo, các cơ sở giáo dục cần chú ý đáp ứng các điều kiện đảm bảo chất lượng như đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, cán bộ quản lý, cơ sở vật chất, trang thiết bị, học liệu, các kết quả nghiên cứu khoa học, tài chính, ... Trong đó, giảng viên là

những người trực tiếp tham gia giảng dạy, có vai trò quyết định đến sự thành bại của chương trình đào tạo. Với mỗi học phần, giảng viên cần chú trọng phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá sao cho người học đạt được chuẩn đầu ra của học phần.

Bước 6: Đánh giá chương trình đào tạo: Đánh giá chương trình đào tạo được chia thành ba loại gồm đánh giá thẩm định, đánh giá định kỳ và đánh giá tổng kết. Cốt lõi của hoạt động đánh giá là xác định năng lực của người học, mức độ người học đáp ứng chuẩn đầu ra và xem xét mức độ chương trình đào tạo chuyển tải được chuẩn đầu ra như thế nào. Đánh giá chương trình đào tạo cần trả lời các câu hỏi: Người học đã đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo hay chưa? Người học đã đáp ứng yêu cầu quy định tại Khung trình độ quốc gia Việt Nam hay chưa? Cần điều chỉnh chương trình đào tạo và đặc biệt cần cải tiến chuẩn đầu ra như thế nào?

Căn cứ kết quả đánh giá và kết quả phân tích bối cảnh cụ thể, chương trình đào tạo được điều chỉnh cho phù hợp từ mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung các học phần, ... Sau khi xây dựng xong, chương trình đào tạo tiếp tục được triển khai đào tạo và đánh giá. Trong bước đánh giá cần xem xét kỹ chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đã đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam hay chưa, những chuẩn đầu ra nào cần bổ sung hay điều chỉnh. Đây là một quá trình phát triển chương trình khép kín với 6 bước liên tục nối tiếp nhau để đảm bảo chương trình đào tạo được cập nhật định kỳ và giúp người học ngày càng đáp ứng tốt hơn yêu cầu tại Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

4. Phân tích những điểm tương thích và chưa tương thích của các chương trình đào tạo đại học tại Đại học Quốc gia Hà Nội với các yêu cầu đặt ra của Khung trình độ quốc gia Việt Nam

4.1. Giới thiệu về khảo sát

Nhóm tác giả đã lựa chọn 21 chương trình đào tạo đại học đủ đại diện cho 136 chương

trình đào tạo đại học tại Đại học Quốc gia Hà Nội (chiếm tỷ lệ 15%) để đánh giá về mức độ đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Việc lựa chọn các chương trình đào tạo để khảo sát được căn cứ trên các yếu tố (bảng 1): tỷ lệ chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo trên

tổng số chương trình đào tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội; tỷ lệ về các chương trình đào tạo được AUN hay Bộ Giáo dục và Đào tạo kiểm định chất lượng và tỷ lệ về các chương trình đào tạo được đánh giá chất lượng bên trong [11].

Bảng 1. Số lượng chương trình được khảo sát

TT	Trường/Khoa	Số chương trình khảo sát	Tỷ lệ chương trình *
	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	5	13%
	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn	4	13%
	Trường Đại học Ngoại ngữ	4	19%
	Trường Đại học Công nghệ	2	11%
	Trường Đại học Giáo dục	3	43%
	Trường Đại học Kinh tế	1	8%
	Khoa Y Dược	1	33%
	Khoa Luật	1	33%

*: Tỷ lệ chương trình được khảo sát/tổng số chương trình của cơ sở đào tạo

4.2. Giới thiệu về phỏng vấn

Nhóm tác giả phỏng vấn các chuyên gia về mức độ đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam của chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo đại học. Mục tiêu phỏng vấn các chuyên gia là nhằm xác định mức độ đáp ứng khung trình độ quốc gia Việt Nam của các chương trình đào tạo. Đối tượng phỏng vấn là 15 chuyên gia bao gồm chủ nhiệm khoa, phó chủ nhiệm khoa, các giảng viên có chuyên môn về chương trình đào tạo, đang trực tiếp tham gia giảng dạy chương trình và hiện đang là lãnh đạo tại một đơn vị trong Đại học Quốc gia Hà Nội. Nội dung phỏng vấn: Sau khi đánh giá mức độ đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam của các chương trình đào tạo đại học tại Đại học Quốc gia Hà Nội, tác giả tiến hành phỏng vấn các chuyên gia để đi đến thống nhất về mức độ đáp ứng của chương trình đào tạo đại học theo từng nội dung của chuẩn đầu ra.

4.3. Kết quả nghiên cứu khảo sát

Tổng thể kết quả khảo sát 21 chương trình đào tạo đại học cho thấy mức độ đáp ứng khung trình độ quốc gia có sự khác biệt giữa các chương trình đào tạo, song nhìn chung, ngoài một số nội dung chuẩn đầu ra cần được bổ sung hoặc điều chỉnh, các chương trình đào tạo của

Đại học Quốc gia Hà Nội đã đáp ứng được phần lớn các yêu cầu trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Về chuẩn đầu ra, các chương trình đào tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội đưa ra chuẩn đầu ra tương đối cụ thể và đã có sự tương thích, đáp ứng được phần lớn chuẩn đầu ra trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Các chương trình đào tạo đã chú trọng đào tạo cho sinh viên kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết chuyên ngành sâu, rộng, và kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, hướng tới tạo ra nguồn nhân lực có thể giải quyết các công việc phức tạp, có kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực được đào tạo để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn. Các khối kiến thức theo lĩnh vực, theo khối ngành, theo nhóm ngành, kiến thức ngành tập trung các kiến thức và kỹ năng cốt lõi nhất, tạo nền tảng vững chắc để sinh viên có thể làm việc trong lĩnh vực đào tạo. Ngoài ra, các chương trình đào tạo của trường đã đặt ra chuẩn đầu ra về ngoại ngữ ở mức bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Mặt khác, mỗi trường đại học có những lợi thế khác nhau trong đào tạo sinh viên về lĩnh vực chuyên sâu của nhà trường. Trường Đại

học Công nghệ gồm các ngành đào tạo liên quan đến công nghệ, kỹ thuật, do đó sinh viên ra trường có thể đáp ứng tốt các yêu cầu liên quan đến công nghệ thông tin. Trường Đại học Khoa học Tự nhiên với đặc thù đào tạo các ngành khoa học về tự nhiên nên các chương trình đào tạo cung cấp nền tảng vững chắc cho sinh viên kiến thức cơ bản về các quy luật tự nhiên, các hiện tượng tự nhiên để có thể áp dụng được vào thực tiễn như kiến thức về toán, kiến thức về vật lý, hóa học,... Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn có nhiều học phần về khoa học xã hội và khoa học chính trị, sinh viên được lựa chọn các học phần phù hợp để tích lũy kiến thức nền tảng cũng như chuyên sâu của các ngành đào tạo, đảm bảo đáp ứng tốt yêu cầu về kiến thức khoa học xã hội và khoa học chính trị theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Trường Đại học Ngoại ngữ với các chương trình đào tạo về ngôn ngữ và sự phạm ngoại ngữ đáp ứng tốt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, sinh viên tốt nghiệp Trường Đại học Ngoại ngữ đủ khả năng biên dịch, phiên dịch hoặc giảng dạy ngoại ngữ. Khoa Luật với đặc thù là đào tạo về Luật học, Luật kinh doanh nên các chương trình đào tạo cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng và chuyên sâu về Luật, đáp ứng tốt yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, đặc biệt là các yêu cầu về “*pháp luật*” trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Đại học Quốc gia Hà Nội triển khai đào tạo các học phần liên thông giữa các đơn vị, sinh viên được công nhận kết quả học tập khi học ở bất cứ đơn vị nào trong Đại học Quốc gia Hà Nội nên sự lựa chọn các học phần của sinh viên rất phong phú và đa dạng, hỗ trợ tối đa cho sinh viên đạt được chuẩn đầu ra.

Tuy nhiên, chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo còn một số mặt hạn chế cần điều chỉnh, bổ sung để tương thích với khung trình độ quốc gia hơn. Các chương trình đào tạo chưa nhấn mạnh các chuẩn đầu ra về kỹ năng quản lý, điều hành. Trong giai đoạn vừa qua, giáo dục Việt Nam thường bàn đến tình trạng “*thừa thầy, thiếu thợ*” và có lẽ quan điểm này cũng ảnh hưởng ít nhiều đến việc xây dựng chuẩn đầu ra của các trường đại học khi cố gắng xây dựng các chuẩn đầu ra đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động hiện tại ở Việt Nam. Các chương trình đào tạo của trường mới hướng đến việc trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng để giải quyết các vấn đề thực tiễn, nhưng các kỹ năng lãnh đạo, dẫn dắt, khởi nghiệp còn khá mờ nhạt. Kết quả nghiên cứu cho thấy chỉ có 8/21 chương trình đào tạo đại học (38,1%) đề cập tới *kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác* (bảng 2). Theo số liệu khảo sát 2818/3434 sinh viên tốt nghiệp năm 2015 của Đại học Quốc gia Hà Nội (khảo sát vào tháng 12 năm 2016): Sau 1 năm tốt nghiệp, 88% sinh viên có việc làm, 5% đang tiếp tục học nâng cao, 7% chưa có việc làm. Trong đó, làm tại khu vực tư nhân 41%, khu vực liên doanh nước ngoài 24%, khu vực nhà nước 18% còn tự tạo việc làm chỉ chiếm 5% [12]. Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác là một trong những kỹ năng khó nhưng hết sức cần thiết, cần có hướng dẫn cụ thể và xây dựng một lộ trình để các trường đại học rèn luyện cho sinh viên đạt được những kỹ năng này.

Kết quả đánh giá 21 chương trình đào tạo đại học của Đại học Quốc gia Hà Nội về mức độ đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam như sau:

Bảng 2. Mức độ đáp ứng khung trình độ quốc gia của các chương trình đào tạo đại học

TT	Chuẩn đầu ra theo khung trình độ quốc gia	Số chương trình đáp ứng	Tỷ lệ phần trăm
I	Kiến thức		
1	Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.	21	100%
2	Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.	19	90.5 %

TT	Chuẩn đầu ra theo khung trình độ quốc gia	Số chương trình đáp ứng	Tỷ lệ phần trăm
3	Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.	21	100%
4	Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.	15	71.4%
5	Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.	10	47.6%
II Kỹ năng			
1	Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.	20	95.2%
2	Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.	8	38.1%
3	Kỹ năng phân biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.	12	57.1%
4	Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.	10	47.6%
5	Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyên tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.	19	90.5 %
6	Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.	21	100%
III Mức tự chủ và trách nhiệm xã hội			
1	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	16	76.2%
2	Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.	9	42.9%
3	Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.	8	38.1%
4	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	10	47.6%

Bên cạnh đó, chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo của trường chưa tập trung bồi dưỡng tính chủ động cao cho sinh viên mà còn mang tính thụ động. Cụ thể, các chuẩn đầu ra về kỹ năng phân biện, phê phán, tính thích ứng với đa dạng các loại hình môi trường làm việc còn chưa được chú trọng. Theo kết quả khảo sát, chỉ có 12/21 chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu này, chiếm tỷ lệ 57,1%. Mặc dù chủ đề về sự hạn chế trong tính chủ động và tư duy

phân biện, phê phán, tính thích ứng linh hoạt của sinh viên Việt Nam đã được đưa ra thảo luận và tìm kiếm các giải pháp khác nhau để cải thiện, nâng cao trong nhiều diễn đàn, nghiên cứu khác nhau nhưng đây vẫn còn là một trong những kỹ năng mà phần lớn sinh viên Việt Nam nói chung, Đại học Quốc gia Hà Nội nói riêng cần được bổ sung để có thể theo kịp với sinh viên quốc tế.

Ngoài ra, các chương trình đào tạo chưa có sự thống nhất trong cách hiểu chuẩn đầu ra về kỹ năng, chuẩn đầu ra về kiến thức đối với ngoại ngữ và tin học của Khung trình độ quốc gia. Đa số các chương trình đào tạo trong khảo sát xem xét ngoại ngữ như một khối kiến thức, trong khi chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia xem xét ngoại ngữ như một kỹ năng. Tương tự như vậy, các chương trình đào tạo được khảo sát xem tin học như một kỹ năng trong khi chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia xem xét tin học như một khối kiến thức. Việc không đồng nhất trong nội hàm của các khối kiến thức, kỹ năng với Khung trình độ quốc gia sẽ gây ra những khó khăn nhất định trong áp dụng, triển khai khung chương trình đào tạo mới.

Một số nội dung chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm trong các chương trình đào tạo được khảo sát còn chưa được đề cập thực sự rõ nét như: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động. Mặc dù các nội dung này đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định từ năm 2015 tại thông tư 07/2015/TT-BGDĐT nhưng cho đến nay mới chỉ có từ 38% đến 47% số chương trình đào tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội đạt được các chuẩn đầu ra này.

5. Lời kết

Khung trình độ quốc gia Việt Nam đã được ban hành từ tháng 10 năm 2016. Trong thời gian tới, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể, đặc biệt cần xây dựng một lộ trình khả thi cho các cơ sở giáo dục để triển khai thực hiện. Các cơ sở giáo dục đại học cần xây dựng chuẩn đầu ra và căn cứ chuẩn đầu ra để xây dựng chương trình đào tạo với các phương pháp giảng dạy, hình thức kiểm tra đánh giá hướng tới mục tiêu đáp ứng các yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

21 chương trình đào tạo đại học được khảo sát của Đại học Quốc gia Hà Nội đã đáp ứng phần lớn các yêu cầu trong khung trình độ quốc gia. Tuy nhiên, còn một số nội dung trong khung trình độ quốc gia Việt Nam đề ra còn vắng bóng trong một số chương trình đào tạo. Ví dụ về kiến thức: *Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn*. Ví dụ về kỹ năng: *Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác; Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm*. Mặt khác, chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm của sinh viên hầu như chưa được đưa vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo của các trường đại học như một thành phần chuẩn đầu ra riêng biệt để có thể xem xét chú trọng đào tạo, cung cấp cho sinh viên năng lực cụ thể. Ví dụ: *Năng lực hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; Năng lực tự định hướng, đưa ra kết luận về chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động*. Các nội dung của chuẩn đầu ra này chưa thực sự rõ nét trong các chương trình đào tạo đại diện được khảo sát.

Với mức độ đáp ứng khung trình độ quốc gia của các chương trình đào tạo đại học đã trình bày ở trên, trong thời gian tới Đại học Quốc gia Hà Nội cần điều chỉnh chương trình đào tạo đại học từ việc phân tích bối cảnh, thiết kế mục tiêu đào tạo, thiết kế chuẩn đầu ra, thiết kế chương trình đào tạo, thực thi chương trình đào tạo đến đánh giá chương trình đào tạo. Trong đó, việc thiết kế mục tiêu đào tạo, thiết kế chuẩn đầu ra cần phải bám sát Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Đại học Quốc gia Hà Nội theo đề tài nghiên cứu số QG.18.58. Chúng tôi xin cảm ơn các nhà khoa học, các nhà quản lý, các giảng viên và các bạn đồng nghiệp đã hỗ trợ chúng tôi trong quá trình nghiên cứu đề tài này.

Tài liệu tham khảo

- [1] Arjen Deij và các cộng sự, (2015), Global Inventory of Regional and National Qualifications Frameworks, Volume I: thematic chapters, UNESCO Institute for Lifelong Learning.
- [2] Arjen Deij và các cộng sự, (2015), Global Inventory of Regional and National Qualifications Frameworks, Volume II: National and Regional Cases, UNESCO Institute for Lifelong Learning.
- [3] Cedefop, (2017), European qualifications framework (EQF).
- [4] The ASEAN Qualifications Reference Framework (AQRF), (2nd, 2015)
- [5] Teresita r. Manzala, (2013), the Asean qualifications reference framework (AQRF)
- [6] Chính phủ, Khung trình độ quốc gia Việt Nam, (2016), Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.
- [7] Phạm Thị Minh Hiền, (2016), Tổng quan về Khung trình độ quốc gia, tạp chí Lao động và Xã hội số 535 từ tr.16 – tr.30, 9/2016
- [8] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2015), Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ. Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- [9] Nguyễn Đức Chính, (2017), Phát triển chương trình giáo dục, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [10] Đại học Quốc gia Hà Nội, (2010), Hướng dẫn xây dựng và hoàn thiện chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra ở Đại học Quốc gia Hà Nội, ban hành theo công văn số 3109/HD-ĐHQGHN ngày 29 tháng 10 năm 2010.
- [11] Đại học Quốc gia Hà Nội, (2018), Tài liệu hội nghị tổng kết 10 năm áp dụng phương thức đào tạo theo tín chỉ tại Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [12] Viện Đảm bảo chất lượng giáo dục, (2017), Báo cáo tình hình khảo sát việc làm của các đơn vị thành viên và trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, Công văn số 43/ĐBCL-NC&QLĐBCL ngày 13/3/2017.

Compatibility of Undergraduate Programms to Vietnam National Qualifications Framework: A Case Study at Vietnam National University, Hanoi

Tran Thi Hoai, Nghiem Xuan Huy, Le Thi Thuong

VNU Institute of Education Quality Assurance, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Abstract: Vietnam National Qualifications Framework was issued under Decision 1982/QĐ-TTg dated 18 October 2016 signed by Prime Minister. Accordingly, programs at tertiary education institutions should be reviewed and adjusted in line with the national qualification framework. Particularly, the correlation between the learning outcomes, program structure, and procedures for building and developing programs in alignment with National Qualifications Framework should be examined and thoroughly resolved, so that higher education institutions have a suitable road map to adjust and update their programs to suit the new context. This paper presents the results of a study on the extent to which National Qualifications Frameworks is met by undergraduate programs. In term of research methodology, this paper uses an analytical perspective on undergraduate programs' learning outcomes, program development processes, and compatibility and incompatibility of programs' contents and structure with corresponding competency standards specified in the Vietnam National Qualifications Framework. The research data was collected from the survey and evaluation of undergraduate programs at Vietnam National University, Hanoi.

Keywords: Vietnamese Qualifications Framework; Expected Learning Outcome; Curriculum.